Chi tiết mã HS 2707.30.00

Mã HS	2707.30.00
Mô tả hàng hóa	Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao; các sản phẩm tương tự có khối lượng cấu tử thơm lớn hơn cấu tử không thơm / - Xylen
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 19:17:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27073000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3267
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3 (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)	3% (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3267
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3267
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3267
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.4	1,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3259
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3220
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3220
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3220
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3220
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3220
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3220
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3258
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3258

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3258
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3258
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3258
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3258
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3262
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3262
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3262
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3262
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3262
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3262
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3262
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3226
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3222
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3222
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3222
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3222
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3222
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3222
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3222
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3222
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3222
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3222
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3222
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3222
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3269
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3269
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3269
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3269
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3269
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3266
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3266
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3266
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3266
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3266
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3266
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3274
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3274
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3274
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3274
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3274
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3274
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3245
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3245
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3245
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3245
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3245
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3245
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3247
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3247
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3247
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3247

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3247
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3247
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3243
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3243
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3243
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3243
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3243
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3243
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3243
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3266
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3266
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3266
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3266
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3266
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3266
RCEP B	2022	2022	0	B!D3266
RCEP B	2023	2023	0	B!E3266
RCEP B	2024	2024	0	B!F3266
RCEP B	2025	2025	0	B!G3266
RCEP B	2026	2026	0	B!H3266
RCEP B	2027	2027	0	B!I3266
RCEP C	2022	2022	0	C!D3266
RCEP C	2023	2023	0	C!E3266
RCEP C	2024	2024	0	C!F3266
RCEP C	2025	2025	0	C!G3266
RCEP C	2026	2026	0	C!H3266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3266
RCEP D	2022	2022	0	D!D3266
RCEP D	2023	2023	0	D!E3266
RCEP D	2024	2024	0	D!F3266
RCEP D	2025	2025	0	D!G3266
RCEP D	2026	2026	0	D!H3266
RCEP D	2027	2027	0	D!I3266
RCEP E	2022	2022	0	E!D3269
RCEP E	2023	2023	0	E!E3269
RCEP E	2024	2024	0	E!F3269
RCEP E	2025	2025	0	E!G3269
RCEP E	2026	2026	0	E!H3269
RCEP E	2027	2027	0	E!I3269
RCEP F	2022	2022	0	F!D3266
RCEP F	2023	2023	0	F!E3266
RCEP F	2024	2024	0	F!F3266
RCEP F	2025	2025	0	F!G3266
RCEP F	2026	2026	0	F!H3266
RCEP F	2027	2027	0	F!I3266
VIFTA	2024	2024	1.8	VI!F3010
VIFTA	2025	2025	1.6	VI!G3010
VIFTA	2026	2026	1.4	VI!H3010
VIFTA	2027	2027	1.2	VI!I3010

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-008	YELLOW	Thuế suất MFN có ghi chú điều kiện/thời hạn	Ô thuế suất “3 (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72)” có ghi chú: 0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72.		26/2023/NĐ-CP	Kiểm tra điều kiện và thời hạn áp dụng tại văn bản 26/2023/NĐ-CP.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2707.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% (0% từ 09/3-30/4 theo NĐ72) của mã 2707.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3267), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.